

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

M S P

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 25

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	
Ông Đỗ Quốc Lâm	Thành viên	từ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Đình Nhu	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con (“Nhóm Công ty”) và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty nói trên để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:


Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61194318/17770388

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh


Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 20 tháng 3 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		105.423.896.097	86.163.201.323
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	80.176.517.508	56.962.391.455
111	1. Tiền		295.600.841	20.779.010.355
112	2. Các khoản tương đương tiền		79.880.916.667	36.183.381.100
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	6.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	6.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.960.675.085	21.746.759.197
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	272.072.241	14.414.084.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.000.000	1.525.242.893
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	24.332.140.000	4.100.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	365.580.004	1.926.269.429
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(29.117.160)	(251.869.246)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	33.031.519
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		286.703.504	554.050.671
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	548.091.934
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	286.703.504	5.958.737
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		223.259.558.485	227.430.722.492
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		882.125.000	5.275.711.902
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	260.000.000	4.102.986.902
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	622.125.000	1.172.725.000
220	II. Tài sản cố định		524.801.995	20.786.258.417
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	524.801.995	7.495.917.557
222	Nguyên giá		1.007.617.995	13.050.086.563
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(482.816.000)	(5.554.169.006)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	13.290.340.860
228	Nguyên giá		-	13.290.340.860
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	9	84.112.818.780	67.736.283.633
231	1. Nguyên giá		98.106.027.611	75.781.699.978
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(13.993.208.831)	(8.045.416.345)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	10	137.518.611.210	133.632.468.540
251	1. Đầu tư vào các công ty con		130.312.000.000	130.312.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000	8.080.800.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(874.188.790)	(4.760.331.460)
260	V. Tài sản dài hạn khác		221.201.500	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		221.201.500	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		328.683.454.582	313.593.923.815

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.731.367.939	29.078.305.560
310	I. Nợ ngắn hạn		6.647.596.939	27.994.534.560
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	11.270.866.675
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.113.512.859	8.541.435.542
314	3. Phải trả người lao động		315.304.500	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		30.000.000	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	699.293.216
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.524.386.857	3.818.546.404
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
330	II. Nợ dài hạn		1.083.771.000	1.083.771.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	1.083.771.000	1.083.771.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		320.952.086.643	284.515.618.255
410	I. Vốn chủ sở hữu	13.1	320.952.086.643	284.515.618.255
411	1. Vốn cổ phần		165.492.090.000	138.013.850.000
	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		165.492.090.000	138.013.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.572.620.000	2.572.620.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.206.190.840)	(2.206.190.840)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		17.682.346.542	17.682.346.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		137.411.220.941	128.452.992.553
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		87.234.367.553	75.796.073.583
421b	- Lợi nhuận thuần trong năm		50.176.853.388	52.656.918.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		328.683.454.582	313.593.923.815


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



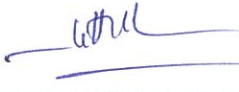

Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc


Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	11.842.664.598	240.047.010.538
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14.1	2.177.110	598.896.138
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	11.840.487.488	239.448.114.400
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	15	5.560.265.428	103.343.481.982
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.280.222.060	136.104.632.418
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	46.218.690.926	6.792.526.695
22	7. Chi phí tài chính	16	(3.886.103.347)	(1.902.382.325)
25	8. Chi phí bán hàng	17	103.075.268	41.706.976.772
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	3.461.095.637	36.894.700.675
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.820.845.428	66.197.863.991
31	11. Thu nhập khác	20	429.534.187	1.061.351.578
32	12. Chi phí khác	20	677.713.112	450.753.298
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	20	(248.178.925)	610.598.280
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.572.666.503	66.808.462.271
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	2.395.813.115	14.151.543.301
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		50.176.853.388	52.656.918.970


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cẩm Meng
Tổng Giám đốc


Ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		52.572.666.503	66.808.462.271
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	2.721.922.550	7.164.590.179
03	Hoàn nhập dự phòng		(4.108.894.756)	(2.712.566.943)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(46.476.774.093)	(7.687.280.594)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.708.920.204	63.573.204.913
09	Giảm các khoản phải thu		19.763.119.834	2.319.783.944
10	Tăng hàng tồn kho		-	(16.197.220.815)
11	Giảm các khoản phải trả		(16.631.075.331)	(8.549.233.086)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		326.890.434	(804.972.414)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(7.101.954.155)	(14.122.409.740)
20	Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh		1.065.900.986	26.219.152.802
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(1.189.814.358)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.495.454.545	4.268.315.309
23	Tiền chi cho vay		(28.487.000.000)	(6.900.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		16.987.000.000	3.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(21.795.974.863)
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		45.902.876.772	6.626.492.286
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		35.898.331.317	(15.990.981.626)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả	13.2	(13.750.106.250)	(26.228.907.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(13.750.106.250)	(26.228.907.900)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		23.214.126.053	(16.000.736.724)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	56.962.391.455	72.963.128.179
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	80.176.517.508	56.962.391.455


Trịnh Thị Thanh Nhân
Người lập


Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng


Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8 (31 tháng 12 năm 2014: 8).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Phương tiện vận tải	4 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc năm kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được chuyển giao hoặc hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	3.000.578	192.207.752
Tiền gửi ngân hàng	292.600.263	20.586.802.603
Các khoản tương đương tiền	79.880.916.667	36.183.381.100
TỔNG CỘNG	<u>80.176.517.508</u>	<u>56.962.391.455</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,0% đến 5,4% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	-	358.000.000
Các bên khác	272.072.241	14.056.084.602
TỔNG CỘNG	272.072.241	14.414.084.602
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(29.117.160)	(251.869.246)
GIÁ TRỊ THUẦN	242.955.081	14.162.215.356

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	22.500.000.000	4.100.000.000
Nhân viên	1.832.140.000	-
	<u>24.332.140.000</u>	<u>4.100.000.000</u>
Dài hạn		
Nhân viên	260.000.000	4.102.986.902
TỔNG CỘNG	24.592.140.000	8.202.986.902

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Ký quỹ, ký cược	104.311.523	316.053.422
Tạm ứng cho nhân viên	-	1.588.990.955
Phải thu khác	261.268.481	21.225.052
	<u>365.580.004</u>	<u>1.926.269.429</u>
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	622.125.000	1.172.725.000
TỔNG CỘNG	987.705.004	3.098.994.429

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	9.033.986.773	4.016.099.790	13.050.086.563
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.033.986.773)	-	(9.033.986.773)
Thanh lý	-	(3.008.481.795)	(3.008.481.795)
Số cuối năm	-	1.007.617.995	1.007.617.995
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(3.596.822.937)	(1.957.346.069)	(5.554.169.006)
Khấu hao trong năm	(151.448.773)	(370.953.001)	(522.401.774)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	3.748.271.710	-	3.748.271.710
Thanh lý	-	1.845.483.070	1.845.483.070
Số cuối năm	-	(482.816.000)	(482.816.000)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	5.437.163.836	2.058.753.721	7.495.917.557
Số cuối năm	-	524.801.995	524.801.995

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	26.320.699.978	49.461.000.000	75.781.699.978
Kết chuyển từ tài sản cố định	9.033.986.773	13.290.340.860	22.324.327.633
Số cuối năm	35.354.686.751	62.751.340.860	98.106.027.611
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(4.819.708.345)	(3.225.708.000)	(8.045.416.345)
Hao mòn trong năm	(1.124.284.776)	(1.075.236.000)	(2.199.520.776)
Kết chuyển từ tài sản cố định	(3.748.271.710)	-	(3.748.271.710)
Số cuối năm	(9.692.264.831)	(4.300.944.000)	(13.993.208.831)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	21.500.991.633	46.235.292.000	67.736.283.633
Số cuối năm	25.662.421.920	58.450.396.860	84.112.818.780

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 14.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Đầu tư vào các công ty con (i)		130.312.000.000		130.312.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000		8.080.800.000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(874.188.790)		(4.760.331.460)
TỔNG CỘNG		137.518.611.210		133.632.468.540

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư VND	%	Vốn đầu tư VND	%
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	79.200.000.000	90,00	79.200.000.000	90,00
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	28.520.000.000	55,06	28.520.000.000	55,06
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	22.592.000.000	58,23	22.592.000.000	58,23
TỔNG CỘNG	130.312.000.000		130.312.000.000	

Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh (“TBVP Siêu Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh (“Ô tô Kim Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh (“Ô tô Cường Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21.2)	5.719.504.596	2.395.813.115	(7.101.954.155)	1.013.363.556
Thuế thu nhập cá nhân	182.854.360	596.151.132	(1.065.708.996)	(286.703.504)
Thuế giá trị gia tăng	2.639.076.586	1.183.857.414	(3.722.784.697)	100.149.303
Các loại thuế khác	(5.958.737)	17.958.737	(12.000.000)	-
TỔNG CỘNG	8.535.476.805	4.193.780.398	(11.902.447.848)	826.809.355
<i>Trong đó:</i>				
Thuế nộp thừa	(5.958.737)			(286.703.504)
Thuế phải nộp	8.541.435.542			1.113.512.859

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	641.755.325	1.664.827.775
Thu hộ	870.917.007	2.132.282.854
Cổ tức phải trả	11.714.525	21.435.775
	<u>1.524.386.857</u>	<u>3.818.546.404</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	1.083.771.000	1.083.771.000
TỔNG CỘNG	2.608.157.857	4.902.317.404

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							VND
Số đầu năm	125.525.230.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	12.552.523.000	115.765.463.583	258.090.607.285
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.488.620.000	-	-	-	-	(12.488.620.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	52.656.918.970	52.656.918.970
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(26.231.908.000)	(26.231.908.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	1.248.862.000	(1.248.862.000)	-
Số cuối năm	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	128.452.992.553	284.515.618.255
Năm nay							
Số đầu năm	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	3.880.961.542	13.801.385.000	128.452.992.553	284.515.618.255
Trình bày lại (Thuyết minh số 24)	-	-	-	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-	-
Số đầu năm (được phân loại lại)	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	128.452.992.553	284.515.618.255
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	27.478.240.000	-	-	-	-	(27.478.240.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	50.176.853.388	50.176.853.388
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	(13.740.385.000)	(13.740.385.000)
Số cuối năm	165.492.090.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	-	137.411.220.941	320.952.086.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Vốn đầu năm	138.013.850.000	125.525.230.000
Tăng trong năm (*)	<u>27.478.240.000</u>	<u>12.488.620.000</u>
Vốn cuối năm	<u>165.492.090.000</u>	<u>138.013.850.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	41.218.625.000	38.720.528.000
Cổ tức đã trả	13.750.106.250	26.228.907.900
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	27.478.240.000	12.488.620.000

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức bằng 20% mệnh giá thông qua việc phát hành cổ phiếu và niêm yết số cổ phiếu chia cổ tức này trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh để tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu trên vào ngày 20 tháng 7 năm 2015, và được chấp thuận thông qua Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 7 năm 2015.

13.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	16.549.209	13.801.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	16.549.209	13.801.385
Cổ phiếu quỹ	(61.000)	(61.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.488.209	13.740.385

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	11.842.664.598	240.047.010.538
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động cho thuê	9.137.795.902	6.566.526.540
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.503.357.244	33.074.440.251
Doanh thu bán hàng hóa	1.201.511.452	200.406.043.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>(2.177.110)</u>	<u>(598.896.138)</u>
DOANH THU THUẦN	<u>11.840.487.488</u>	<u>239.448.114.400</u>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan	6.229.636.356	3.969.370.760
Các bên khác	5.610.851.132	235.478.743.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. DOANH THU (tiếp theo)

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức	42.360.320.000	3.032.000.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	3.783.998.273	3.594.492.286
Khác	74.372.653	166.034.409
TỔNG CỘNG	<u>46.218.690.926</u>	<u>6.792.526.695</u>

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động cho thuê	4.259.065.480	2.128.064.004
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	502.570.058	5.178.542.226
Giá vốn của hàng hóa đã bán	798.629.890	96.036.875.752
TỔNG CỘNG	<u>5.560.265.428</u>	<u>103.343.481.982</u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư công ty con	(3.886.142.670)	(1.902.523.157)
Khác	39.323	140.832
TỔNG CỘNG	<u>(3.886.103.347)</u>	<u>(1.902.382.325)</u>

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.195.220	3.001.736.578
Chi phí lương	-	38.227.124.898
Khác	89.880.048	478.115.296
TỔNG CỘNG	<u>103.075.268</u>	<u>41.706.976.772</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	2.226.566.886	16.515.401.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.484.175	9.759.282.052
Chi phí khấu hao	410.949.002	1.602.019.482
Khác	278.095.574	9.017.997.754
TỔNG CỘNG	<u>3.461.095.637</u>	<u>36.894.700.675</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.249.291.880	97.780.911.285
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	2.721.922.550	7.164.590.179
Chi phí lương	2.226.566.886	54.742.526.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	558.679.395	12.761.018.630
Chi phí nguyên vật liệu	-	1.450.948.786
Chi phí khác	367.975.622	8.045.164.264
TỔNG CỘNG	<u>9.124.436.333</u>	<u>181.945.159.429</u>

20. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	429.534.187	1.061.351.578
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	332.455.820	1.052.241.955
Thu nhập khác	97.078.367	9.109.623
Chi phí khác	<u>(677.713.112)</u>	<u>(450.753.298)</u>
LỢI NHUẬN THUẦN	<u>(248.178.925)</u>	<u>610.598.280</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.395.813.115</u>	<u>14.151.543.301</u>

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.572.666.503	66.808.462.271
Các khoản điều chỉnh:		
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	677.713.112	548.734.550
Cổ tức nhận được	(42.360.320.000)	(3.032.000.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính	10.890.059.615	64.325.196.821
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.395.813.115	14.151.543.301
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.719.504.596	5.690.371.035
Thuế TNDN đã trả trong năm	(7.101.954.155)	(14.122.409.740)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.013.363.556	5.719.504.596

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức	31.680.000.000	-
		Cho vay	10.200.000.000	-
		Cho thuê văn phòng	2.324.181.816	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	803.625.511	10.240.388.032
		Thuê máy móc	497.074.837	234.363.636
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Cho vay	9.000.000.000	31.000.000.000
		Cổ tức	8.841.200.000	2.852.000.000
		Mua tài sản cố định	-	867.272.727
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	70.000.000.000	18.800.000.000
		Cho thuê văn phòng	3.905.454.540	3.969.370.760

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	<u>2.577.469.512</u>	<u>5.955.265.771</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho thuê văn phòng	-	358.000.000
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	22.500.000.000	4.100.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	11.264.426.835

23. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	2.520.000.000	2.520.000.000
Từ 1 đến 5 năm	3.570.000.000	6.090.000.000
TỔNG CỘNG	6.090.000.000	8.610.000.000

24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>31 tháng 12 năm 2014 (phân loại trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của việc phân loại lại</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014 (được phân loại lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Tương đương tiền	43.083.381.100	(6.900.000.000)	36.183.381.100
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	6.900.000.000	6.900.000.000
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	4.100.000.000	4.100.000.000
Các khoản phải thu khác	4.121.225.052	(2.194.955.623)	1.926.269.429
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	33.031.519	33.031.519
Các tài sản ngắn hạn khác	1.938.075.896	(1.938.075.896)	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	1.172.725.000	1.172.725.000
Các tài sản dài hạn khác	1.172.725.000	(1.172.725.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.880.961.542	13.801.385.000	17.682.346.542
Quỹ dự phòng tài chính	13.801.385.000	(13.801.385.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Một vài khoản mục tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Năm trước</i> <i>(phân loại trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của</i> <i>việc phân loại lại</i>	<i>Năm nay</i> <i>(được phân loại lại)</i>
VND			
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Thu nhập khác	4.277.424.932	(3.216.073.354)	1.061.351.578
Chi phí khác	(3.666.826.652)	3.216.073.354	(450.753.298)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Thay đổi khoản phải thu	4.994.561.772	(2.674.777.828)	2.319.783.944
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.015.663.507	(7.015.663.507)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.690.441.335)	6.690.441.335	-
Tiền chi cho vay	-	(6.900.000.000)	(6.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	-	3.000.000.000	3.000.000.000

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.



 Trinh Thị Thanh Nhân
 Người lập



 Đinh Thị Hồng Vân
 Kế toán trưởng





 Yung Cam Meng
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016